TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HS-ST
Ngày: 30 - 6 - 2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thanh Vân – Giáo viên, cán bộ hưu trí Phường 2, Quận 8.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Hồng – Cán bộ hưu trí Phường 1, Quận 8.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Ngọc Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 81/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 104/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Mai Văn H (tên gọi khác: Cu Lượm); giới tính: Nam; sinh năm: 1991; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Không xác định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Không; con ông Mai Văn A và bà Nguyễn Thị Đ.

Tiền án:

Ngày 17/5/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đã đóng án phí ngày 10/11/2011, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2013.

Ngày 26/8/2015 bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 4 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào các ngày 13/4/2015, 30/4/2015). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2018.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/9/2009 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi). Đã nộp án phí ngày 12/01/2010, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/9/2010.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 03/01/2020 đến nay. (có mặt)

2. Huỳnh Quốc G; giới tính: Nam; sinh năm: 1985; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 366/2 Đường P, Phường X, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 9/12; con ông Huỳnh Chí Q và bà Trương Thị Ngọc R.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 27/9/2005 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Đã nộp án phí ngày 27/7/2006, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/10/2007.

Ngày 31/5/2012 bị Tòa án nhân dân Huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Đã nộp án phí ngày 09/5/2013, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2013.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 19/10/2019 đến nay. (có mặt)

3. Hoàng Phú C (tên gọi khác: Bi Lê); giới tính: Nam; sinh năm: 1985; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 1910 Đường P, Phường X, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Buôn bán phụ tùng xe gắn máy; con ông Hoàng Thanh K và bà Nguyễn Thị Nguyệt E; có vợ Nguyễn Thị Thúy N, có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 07/9/2004 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". C kháng cáo. Ngày 09/12/2004 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm tuyên phạt Hoàng Phú C 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Đã nộp án phí ngày 15/5/2006, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2007.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 19/10/2019 đến nay. (có mặt)

4. Phạm Bá U; giới tính: Nam; sinh năm: 1979; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: 312/32/8 Đường L, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Sửa xe; con ông Phạm Thái S và bà Phạm Thị E; có vợ Nguyễn Thị Tuyết N, có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, bị tạm giam từ ngày 19/10/2019, đến ngày 22/01/2020 được cho tại ngoại đến nay. (có mặt)

- *Bị hại:*

1/ Chị Hồ Xuân I; sinh năm: 1987; nơi cư trú: 629/19 Đường J, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2/ Chị Nguyễn Thị Hồng V; sinh năm: 1966; hộ khẩu: 354/48/49 Đường R, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 1225/38/16 Đường P, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3/ Anh Phan Thành N; sinh năm: 1961; nơi cư trú: 23/22 Đường P, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4/ Anh Nguyễn Chí X; sinh năm: 1982; hộ khẩu: Ấp 7, xã TA, Huyện VM, tỉnh VL; nơi cư trú: 14B/4 Đường P, Phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

5/ Anh Trần Phước E; sinh năm: 2001; hộ khẩu: 30A/1 ấp LB, xã LN, Huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 617/78 Đường Đ, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Em Nguyễn Trần Trung H1; sinh ngày 03/4/2004; nơi cư trú: 78/6A đường X, Phường M, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của em H1: Bà Nguyễn Thị Tuyết H2; sinh năm: 1979; nơi cư trú: 78/6A đường X, Phường M, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh – mẹ của U. (vắng mặt)

2/ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1984; nơi cư trú: 19/6/28 Đường X2, phường P, quận PT, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3/ Anh Nguyễn Phước H3; sinh năm: 1972; nơi cư trú: 1041/62/105 Đường S2, phường TH, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4/ Anh Phạm Hùng H4; sinh năm: 1961; nơi cư trú: 175/3 Đường N2, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 15/10/2019, Nguyễn Mai Văn H đang chơi bắn cá tại tiệm bắn cá ở xã BH, Huyện BC thì gọi điện cho Huỳnh Quốc G rủ G đi trộm

cắp tài sản, G đồng ý và điều khiển xe Honda Lead biển số: 59L1 – 013.31 đến tiệm bắn cá trên đón H. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày khi G chở H tới trước nhà số 629/19 Đường J, Phường M, Quận T thì cả hai phát hiện xe mô tô biển số 59L1-365.58 của chị Hồ Xuân I, dựng trước nhà, không người trông coi nên cả hai bàn bạc trộm cắp chiếc xe này. G dừng xe đứng đợi để H đi bộ lại gần, lén lút dùng đoản mang theo sẵn, bẻ khóa rồi nổ máy xe, lên xe bỏ chạy, H chạy trước, G chạy theo sau đến bãi xe kế số 33/6 Đường L, Phường B, Quận T bán cho người thanh niên tên N2 (không rõ lai lịch) với giá 3.500.000 đồng. G và H chia nhau mỗi người 1.750.000 đồng. Đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 18/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 có kết luận định giá, xác định giá trị còn lại của chiếc xe nêu trên là 7.535.000 đồng.

Chị Hồ Xuân I yêu cầu bồi thường giá trị chiếc xe mà G và H trộm cắp của chị I.

Quá trình điều tra truy xét, ngày 17/10/2019 Huỳnh Quốc G được đưa về trụ sở công an để làm rõ, đến ngày 01/01/2020 Nguyễn Mai Văn H được đưa về trụ sở công an để làm rõ. Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 8, G và H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Ngoài vụ trộm cắp nêu trên, Nguyễn Mai Văn H còn tự mình thực hiện 4 vụ trộm cắp trên địa bàn Quận 8 cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào khoảng 14 giờ ngày 09/8/2019, Nguyễn Mai Văn H đi bộ lòng vòng khu vực Phường 5, Quận 8 để tìm tài sản của người khác sơ hở để lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khi H đi đến trước nhà số 1225/38/16 Đường P, Phường F, Quận T thì phát hiện nhà này không khóa cửa, không có người trông coi, H liền dùng tay mở cửa đi vào nhà tìm tài sản để lấy trộm, H nhìn thấy và lấy 01 điện thoại di động Iphone XR màu xanh của chị Nguyễn Thị Hồng V, đang sạc pin. H lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài. Sau đó H đem điện thoại bán cho một người thanh niên tên G (không rõ lai lịch) được 3.000.000 đồng, H đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 24/3/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 có kết luận định giá tài sản, xác định: 01 điện thoại di động Iphone XR nêu trên trị giá 12.141.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Hồng V yêu cầu bồi thường trị giá chiếc điện thoại di động nêu trên.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng 12 giờ ngày 29/8/2019, H đi bộ lòng vòng khu vực Phường T, Quận T để tìm tài sản của người khác sơ hở để lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi thì H có đem theo 01 cây đoản để dùng bẻ ổ khóa xe gắn máy. Khi H đi

đến trước nhà số 23/22 Đường P, Phường T, Quận T thì phát hiện trước nhà này có dựng 01 xe gắn máy biển số 51L4-3533 của anh Phan Thành N, không có người trông coi, H liền dùng cây đoản bẻ ổ khóa xe gắn máy rồi lên xe bỏ chạy thoát. Sau đó H đem xe gắn máy trên đến bãi xe kế số 33/6 Đường L, Phường B, Quận T bán cho người thanh niên tên N2 (không rõ lai lịch) được 3.000.000 đồng, H đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 25/02/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 có kết luận định giá tài sản, xác định: 01 xe gắn máy biển số 51L4-3533 trị giá 3.400.000 đồng.

Anh Phan Thành N yêu cầu bồi thường trị giá của xe gắn máy nêu trên.

Vụ thứ ba:

Vào khoảng 12 giờ ngày 19/9/2019, H đi bộ lòng vòng khu vực Phường T, Quận T để tìm tài sản của người khác sơ hở để lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi thì H có đem theo 01 cây đoản để dùng bẻ ổ khóa xe gắn máy. Khi H đi đến trước nhà số 14B/4 Đường P, Phường T, Quận T thì phát hiện trước nhà này có dựng 01 xe gắn máy biển số 59L2-587.97 của Anh Nguyễn Chí X, không có người trông coi, H liền dùng cây đoản bẻ ổ khóa xe gắn máy bỏ chạy thoát. Sau đó H đem xe gắn máy trên đến bãi xe kế số 33/6 Đường L, Phường B, Quận T bán cho người thanh niên tên N2 (không rõ lai lịch) được 4.000.000 đồng, H đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 25/02/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 có kết luận định giá tài sản, xác định: 01 xe gắn máy biển số 59L2-587.97 trị giá 21.833.000 đồng.

Anh Nguyễn Chí X yêu cầu bồi thường trị giá của xe gắn máy nêu trên.

Vụ thứ tư:

Vào khoảng 20 giờ ngày 19/9/2019, H đi bộ lòng vòng khu vực Phường C1, Quận T để tìm tài sản của người khác sơ hở để lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi thì H có đem theo 01 cây đoản dùng để bẻ ổ khóa xe gắn máy. Khi H đi đến bên hông nhà số 617/66 Đường Đ, Phường S, Quận T thì phát hiện bên hông nhà này có dựng 01 xe gắn máy biển số 50N1-135.24 của anh Trần Phước E không có người trông coi, H liền dùng cây đoản bẻ ổ khóa xe gắn máy bỏ chạy thoát. Sau đó H đem xe gắn máy trên đến bãi xe kế số 33/6 Đường L, Phường B, Quận T bán cho người thanh niên tên N2 (không rõ lai lịch) được 4.000.000 đồng, H đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 25/02/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 có kết luận định giá tài sản, xác định: 01 xe gắn máy biển số 50N1-135.24 trị giá 9.550.000 đồng.

Anh Trần Phước E yêu cầu bồi thường trị giá của xe gắn máy nêu trên.

Quá trình khám phá vụ trộm cắp tài sản do Huỳnh Quốc G và Nguyễn Mai Văn H thực hiện, ngày 17/10/2019 Cơ quan điều tra Công an Quận 8 kiểm tra kho kế số 333/6 Đường L, Phường B, Quận T, phát hiện 62 xe mô tô, 29 biển số xe (trong đó có biển số 59L1-365.58), 40 sườn xe, 7 lốc máy xe cùng 3 đối tượng gồm: Hoàng Phú C, Phạm Bá U và Nguyễn Trần Trung H1 (sinh ngày 3/4/2004). Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đưa toàn bộ vật chứng cùng các đối tượng trên về trụ sở điều tra làm rõ.

Cơ quan điều tra Công an Quận 8 tiến hành khám xét chỗ ở của Hoàng Phú C nhà số: 1910 Đường P, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ:

01 xe gắn máy biển số 63R1-4444.

01 xe gắn máy biển số 52L4-9622.

01 xe gắn máy biển số 59Y2-533.43.

01 biển số 59D2-848.46.

Cơ quan điều tra Công an Quận 8 tiến hành khám xét nơi làm việc của Hoàng Phú C địa chỉ: 01 Lô 13 Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ:

01 xe gắn máy biển số 59N2-101.32.

01 xe gắn máy biển số 51M4-2398.

01 biển số 67B2-067.67.

01 biển số 52U2-5001.

01 biển số 84B1-33.89.

01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 033228 đứng tên Lê Thanh S1 mang biển số 84B1-333.89.

01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 0111870 đứng tên Nguyễn Hữu Đ1 mang biển số 52U2-5001.

01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 072217 đứng tên Trần Phụng mang biển số 51M4-2398.

01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 1041414 đứng tên Nguyễn G mang biển số 53X1-6652.

01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 0772215 đứng tên Văn B1 mang biển số 51T5-9911.

01 lốc máy màu đen, nhãn hiệu Honda không rõ số máy.

01 lốc máy màu bạc, nhãn hiệu Honda không rõ số máy.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 còn thu giữ:

01 điện thoại di động Nokia màu đen của Hoàng Phú C, 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus của Phạm Bá U, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus của Nguyễn Trần Trung H1.

01 xe gắn máy biển số 59L1-013.31.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 8, các đối tượng khai nhận:

Từ khoảng tháng 1 năm 2019, C mở tiệm sửa xe gắn máy tại địa chỉ 01 lô 13 Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận 8 lấy tên cửa hàng là Bi Lê. Để có phụ tùng xe gắn máy bán cho khách với giá rẻ, C nảy sinh ý định mua xe gắn máy do phạm tội mà có rồi thuê người tháo phụ tùng xe đem bán cho người khác kiếm tiền lời. Thực hiện ý định trên, C tìm N1 (không rõ lai lịch), N1 mua xe gắn máy của những người trộm cắp sau đó bán lại cho C. N1 thuê kho không số kế số 33/6 Đường L, Phường B, Quận T, C có đưa N1 2.000.000 đồng mỗi tháng để C tháo phụ tùng và gửi hàng trong kho nếu có. Khi có xe gắn máy do người khác phạm tội mà có đem đến kho bán cho N1 thì N1 sẽ mua và bán cho C. C chỉ mua những chiếc xe số (không mua xe tay ga).

C thuê Phạm Bá U là người tháo phụ tùng xe gắn máy giá 200.000 đồng/chiếc tại kho của Nam để C bán. Cho đến khoảng tháng 5 năm 2019, C có thuê Nguyễn Trần Trung H1 phụ giúp C bán phụ tùng xe gắn máy, U lấy hàng phụ tùng xe gắn máy từ kho của N1 đến tiệm để bán. Khi ở tiệm không có việc thì C cho U vào kho của N1 để phụ H3 tháo phụ tùng xe gắn máy, nếu U phụ tháo dàn áo thì không tính tiền, còn U tháo toàn bộ phụ tùng xe gắn máy thì H3 trả cho U 150.000 đồng/chiếc.

Trung bình mỗi ngày C mua khoảng 05 chiếc xe gắn máy bao gồm xe C mua của các tiệm cầm đồ và xe mua của N1 là tài sản do người khác phạm tội mà có. Mỗi chiếc xe sau khi tháo phụ tùng C bán lại lời trung bình mỗi xe 1.000.000 đồng/chiếc. Cho đến khoảng 11 giờ ngày 17/10/2019, Công an Quận 8 đến kiểm tra kho không số kế số 33/6 Cao Lỗ, Phương 4, Quận 8 thu giữ nhiều xe gắn máy, lốc máy, sườn xe, biển số xe nêu trên.

Đối với 62 xe gắn máy, 29 biển số, 40 sườn xe gắn máy và 07 lốc máy thu giữ tại kho, C khai đó là của N1, C chỉ có biển số 59L1-365.58. C có mua xe gắn máy biển số 59L1-365.58 của N1 giá 5.500.000 đồng, sau khi mua C gọi H3 tháo phụ tùng xe trên để C bán, còn số máy và số khung của xe H3 đã mài mòn và đem ra tiệm của C bán, C đã bán cho người khác được tất cả 6.500.000 đồng, lời 1.000.000 đồng. C và H3 biết rõ xe này là tài sản do người khác phạm tội mà có.

Hoàng Phú C khai nhận tiêu thụ tài sản từ khoảng tháng 01/2019 đến ngày 17/10/2019, được khoảng 09 tháng. Mỗi ngày C tiêu thụ khoảng 5 xe gắn máy, trong đó gồm cả xe C mua ở các tiệm cầm đồ và cả xe mua của Nam mà C biết đó là tài sản do người khác phạm tội mà có, mỗi xe bán phụ tùng C thu lợi khoảng 1.000.000 đồng, C trả cho H3 công tháo mỗi xe là 200.000 đồng, mỗi tháng C thu lợi khoảng 112.500.000 đồng, C trả cho U mỗi tháng 7.500.000

đồng, trả tiền thuê kho 2.000.000 đồng, thuê cửa hàng 15.000.000 đồng, còn lại khoảng 95.500.000 đồng/tháng. Số tiền thu lợi nêu trên C đã tiêu xài cá nhân hết.

Phạm Bá U phụ giúp C từ khoảng tháng 01/2019 đến ngày 17/10/2019, được khoảng 09 tháng, mỗi ngày H3 tháo phụ tùng khoảng 4-5 xe gắn máy, C trả cho H3 là 200.000 đồng/xe, mỗi ngày H3 tháo phụ tùng khoảng 2 xe, còn U được H3 thuê tháo khoảng 2 xe, H3 trả công cho U 150.000 đồng/chiếc, H3 được 50.000 đồng/chiếc, H3 thu nhập trung bình khoảng 500.000 đồng/ngày, mỗi tháng thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng, số tiền thu nhập bất chính H3 đã tiêu xài cá nhân hết.

Nguyễn Trần Trung H1 phụ giúp C từ khoảng tháng 5/2019 đến ngày 17/10/2019, được khoảng 05 tháng, C trả công cho U 250.000 đồng/ngày, U tháo phụ tùng khoảng 02 xe gắn máy, H3 trả cho U là 150.000 đồng/xe, U thu nhập trung bình khoảng 550.000 đồng/ngày, mỗi tháng trung bình khoảng 16.500.000 đồng, số tiền này U đã tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng vụ án:

Vật chứng trong vụ H, G trộm cắp tài sản:

01 xe gắn máy biển số 59L1-013.31. Qua xác minh chủ sở hữu của chiếc xe là chị Trương Thị Ngọc A1. Vào ngày 15/10/2019, Huỳnh Quốc G sử dụng xe gắn máy trên đi trộm cắp tài sản thì chị A1 không biết. Ngày 13/01/2020, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 trả xe gắn máy trên cho chị A1.

01 biển số 59L1-365.58, biển số xe gắn máy trên của chị Hồ Xuân I bị mất trộm ngày 15/10/2019. Chị I không yêu cầu nhận lại.

Vật chứng thu giữ tại chỗ ở, nơi làm việc của C:

01 xe gắn máy biển số 63R1-4444, số máy: FMH-10287420, số khung: RLHHC09093-Y296283. Kết quả giám định: số khung bị mài đục số không xác định được số nguyên thủy, số máy không thay đổi. Qua xác minh xe gắn máy trên do anh Nguyễn Thanh H4 đứng tên chủ sở hữu. Ngày 06/01/2020, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã ủy thác cho Cơ quan điều tra Công an Huyện Châu Thành nhưng chưa có kết quả. C khai xe gắn máy trên là của một người bạn tên T3 (không rõ lai lịch) gửi giữ giùm.

01 xe gắn máy biển số 52L4-9622, số máy: NF110M-0071936, số khung: NF110ME-0071936 và 01 biển số 59D2-848.46. Kết quả giám định: số khung không thay đổi, số máy không thay đổi. Qua xác minh xe gắn máy trên do anh Nguyễn Văn T2, đứng tên chủ sở hữu mang biển số 59D2-848.46 do Công an quận Tân Phú cấp và chưa thu hồi lại biển số 52L4-9622. Anh T2 khai Hoàng Phú C nhờ T2 đứng tên giùm xe gắn máy trên. C khai xe gắn máy trên của C nhờ T2 đứng tên giùm để lấy biển số đẹp, sử dụng làm phương tiện đi lại.

01 xe gắn máy biển số 59Y2-533.43, số máy: G427-102594, số khung: RLSBG41J0E-0102529. Qua xác minh xe gắn máy trên do Hoàng Phú C đứng tên chủ sở hữu, sử dụng làm phương tiện đi lại.

01 xe gắn máy biển số 59N2-101.32, số máy: NF100ME-0096386, số khung: NF100M-0096386. Qua xác minh xe gắn máy trên do anh Phạm Văn Quang đứng tên chủ sở hữu. Anh Quang đã bán xe gắn máy trên cho người khác (không rõ lai lịch). Ngày 13/01/2020, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. C khai mua xe gắn máy trên của một thanh niên (không rõ lai lịch) để sử dụng làm phương tiện đi lại.

01 xe gắn máy biển số 51M4-2398, số máy: HC09E-6313357, số khung: RLHHC09006-Y313203 và 01 Giấy đăng ký xe gắn máy số 072217 do Phòng CSGT-CA TP.HCM cấp ngày 27/8/2007 biển số 51M4-2398 chủ sở hữu là anh Trần Phụng. Hiện nay anh Phụng không còn cư trú tại địa phương. Kết quả giám định: số khung không thay đổi, số máy không thay đổi. Ngày 29/11/2019, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. C khai mua xe gắn máy trên là của một thanh niên (không rõ lai lịch).

01 biển số 67B2-067.67, qua xác minh biển số trên do chị Bùi Thị Thanh L2 là chủ sở hữu, Chị L2 đã bán xe gắn máy trên cho người khác (không rõ lai lịch). Ngày 13/01/2020, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả.

01 biển số 52U2-5001 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 0111870 mang biển số 52U2-5001 đứng tên Nguyễn Hữu Đ1. Hiện nay anh Đ1 không còn sinh sống tại địa phương. Ngày 13/12/2019, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. C khai mua xe gắn máy có biển số trên của một thanh niên (không rõ lai lịch) để bán phụ tùng cho người khác.

01 biển số 84B1-333.89 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 033228 mang biển số 84B1-333.89 đứng tên Lê Thanh S1. Anh S1 bán xe gắn máy trên cho người khác (không rõ lai lịch). Ngày 26/11/2019, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. C khai mua xe gắn máy trên của một thanh niên (không rõ lai lịch) để bán phụ tùng cho người khác.

01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 1041414 đứng tên Nguyễn G mang biển số 53X1-6652 do Phòng CSGT-CA TP.HCM cấp ngày 21/6/2000. Hiện nay anh G không còn sinh sống tại địa phương. Ngày 13/01/2020, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. C khai mua xe gắn máy có giấy đăng ký trên của một thanh niên (không rõ lai lịch) để bán phụ tùng cho người khác.

01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 0772215 mang biển số 51T5-9911 đứng tên Văn B1. Anh B1 đã bán xe gắn máy trên cho anh Tăng Kinh V1.

Sau đó anh V1 đã bán xe gắn máy trên cho người khác (không rõ lai lịch). Ngày 26/11/2019, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. C khai mua xe gắn máy có giấy đăng ký xe nêu trên của một thanh niên (không rõ lai lịch) để bán phụ tùng cho người khác.

01 lốc máy màu đen, nhãn hiệu Honda không rõ số máy, 01 lốc máy màu bạc, nhãn hiệu Honda không rõ số máy. Các phụ tùng này C tháo từ xe gắn máy ra để bán.

Vật chứng là tài sản cá nhân của U và các bị cáo:

01 điện thoại di động Nokia màu đen của Hoàng Phú C, 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus của Phạm Bá U, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus của Nguyễn Trần Trung H1 – các điện thoại này dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ tại kho không liên quan đến C: 62 xe gắn máy, 28 biển số xe, 40 sườn xe gắn máy và 07 lốc máy. Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật. Hiện còn tạm giữ: 30 xe gắn máy, 26 biển số xe, 40 sườn xe gắn máy và 07 lốc máy.

Tại bản cáo trạng số 88/CT-VKS ngày 04/5/2020 Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố:

Nguyễn Mai Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Huỳnh Quốc G về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hoàng Phú C và Phạm Bá U phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với kho không số kế bên số 33/6 Đường L, Phường B, Quận T qua xác minh do anh Phạm Hùng H4 là chủ sở hữu, anh H4 cho Nguyễn Phước H3 thuê để kinh doanh, anh H3 cho đối tượng N (không rõ lai lịch) thuê lại để kinh doanh, việc N sử dụng kho để thực hiện hành vi phạm tội anh H3 và anh H4 không biết nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Trần Trung H1 tại thời điểm phạm tội chưa đủ tuổi để truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với U theo quy định.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mai Văn H, Huỳnh Quốc G phạm tội "Trộm cắp tài

sản", các bị cáo Hoàng Phú C, Phạm Bá U phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt:

Nguyễn Mai Văn H từ 04 năm đến 05 năm tù theo quy định tại các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Huỳnh Quốc G từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù theo quy định tại khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hoàng Phú C từ 08 tháng đến 12 tháng tù theo quy định tại khoản 1 Điều 323, điểm o khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạm Bá U từ 07 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 323, điểm o khoản 1 Điều 52, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo H, G. Phạt tiền các bị cáo C, H3 từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Vật chứng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc kU nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 15/10/2019, trước nhà số 629/19 Đường J, Phường M, Quận T, Nguyễn Mai Văn H và Huỳnh Quốc G lén lút chiếm đoạt xe gắn máy biển số 59L1-365.58 của chị Hồ Xuân I trị giá 7.535.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định H, G phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tội phạm và hình phạt của bị cáo G được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

[2.1] Đối với H, ngoài trộm cắp với G thì trước đó H có 04 lần trộm cắp tài sàn, cụ thể:

Ngày 09/8/2019, trước nhà số 1225/38/16 Đường P, Phường F, Quận T, H trộm của chị Nguyễn Thị Hồng V 01 điện thoại di động hiệu Iphone XR trị giá 12.141.000 đồng.

Ngày 29/8/2019, trước nhà số 23/22 Đường P, Phường T, Quận T, H trộm của anh Phan Thành N 01 xe gắn máy biển số 51L1-3533 trị giá 3.400.000 đồng.

Khoảng 12 giờ 00, ngày 19/9/2019, trước nhà số 14B/4 Đường P, Phường T, Quận T, H trộm của Anh Nguyễn Chí X 01 xe gắn máy biển số 59L2.587.97 trị giá 21.833.000 đồng.

Khoảng 20 giờ 00, ngày 19/9/2019, bên hông nhà số 617/66 Ba Đình Phường 9, Quận 8, H trộm của anh Trần Phước E 01 xe gắn máy biển số 50N1-135.24 trị giá 9.550.000 đồng.

Bị cáo H thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản liên tiếp, bị cáo không có nghề nghiệp, lấy việc trộm cắp để làm nguồn thu nhập sinh sống. Do đó hành vi của bị cáo là phạm tội có tính chất cH3ên nghiệp, tổng giá trị tài sản H chiếm đoạt là 54.459.000 đồng.

Ngoài ra, H đã tái phạm nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm.

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định tội phạm và hình phạt của bị cáo H được quy định tại các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2.2] Huỳnh Quốc C có mua xe biển số 59L1-365.58 từ Nam và biết xe do phạm tội mà có. C giao xe cho Phạm Bá U (làm thuê của C) tháo phụ tùng xe để cho C bán, H3 cũng biết xe này là do phạm tội mà có. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định C, H3 đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

[3] Xét thấy, hành vi của các bị cáo H và G, C và H3 là có đồng phạm nhưng chỉ mang tính giản đơn, không có tổ chức. Đối với đồng phạm giữa C và H3 thì vai trò H3 là tháo phụ tùng xe và được C trả công, còn C bán và thu lợi như thế nào thì H3 không biết.

[4] Xét thấy, C không trực tiếp mua xe từ người phạm tội mà có mà C mua xe thông qua Nam (hiện không rõ lai lịch), ngoài Nam thì C còn mua xe từ các tiệm cầm đồ. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xác định số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo C, H3 từ việc mua xe phạm tội mà có để tháo phụ tùng ra bán nên không đề cập giải quyết.

[5] Xét thấy, bị cáo C thuê Nguyễn Trần Trung H1 (dưới 16 tuổi) phụ bán tài sản do phạm tội mà có và H3 thuê U phụ tháo phụ tùng xe để bán. Tuy U

không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" nhưng hành vi của U là phạm tội. Do đó, các bị cáo C, H3 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là rủ rê, xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

[6] Xét thấy, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải, đây là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo H3 mới lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo H3 theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Xét thấy, bị cáo H3 có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nghề nghiệp và phải nuôi 02 con nên Hội đồng xét xử thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, được quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[8] Xét thấy, các bị cáo H, G có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo này. Đối với các bị cáo C, H3 hành vi của bị cáo có thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9] Đối với Nguyễn Trần Trung H1 tại thời điểm phạm tội chưa đủ tuổi để truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với U theo quy định nên không đề cập giải quyết.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H, G tham gia trộm cắp tài sản thì phải có trách nhiệm bồi thường. Bị hại chị Hồ Xuân I yêu cầu bồi thường 7.535.000 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng V yêu cầu bồi thường 12.141.000 đồng, anh Phan Thành N yêu cầu bồi thường 3.400.000 đồng, Anh Nguyễn Chí X yêu cầu bồi thường 21.833.000 đồng và anh Trần Phước E yêu cầu bồi thường 9.550.000 đồng. Các bị cáo H, G đồng ý bồi thường số tiền này. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 288, 589 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị hại.

Buộc các bị cáo H, G liên đới bồi thường cho bị hại Hồ Xuân I số tiền 7.535.000 đồng (trong đó, bị cáo H bồi thường 4.535.000 đồng, G bồi thường 3.000.000 đồng).

Buộc bị cáo H bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng V số tiền 12.141.000 đồng, anh Phan Thành N số tiền 3.400.000 đồng, Anh Nguyễn Chí X số tiền 21.833.000 đồng và anh Trần Phước E số tiền 9.550.000 đồng.

[11] Về vật chứng vụ án:

[11.1] Vật chứng trong vụ H, G trộm cắp tài sản:

01 xe gắn máy biển số 59L1-013.31, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 trả xe gắn máy trên cho chị A1 nên không đề cập giải quyết

01 biển số 59L1-365.58, chị Hồ Xuân I không yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11.2] Vật chứng là tài sản cá nhân của U và các bị cáo:

01 điện thoại di động Nokia màu đen của Hoàng Phú C, 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus của Phạm Bá U, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus của Nguyễn Trần Trung H1 – các điện thoại này dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11.3] Vật chứng thu giữ tại chỗ ở, nơi làm việc của C:

01 xe gắn máy biển số 63R1-4444, số máy: FMH-10287420, số khung: RLHHC09093-Y296283. Kết quả giám định: số khung bị mài đục số không xác định được số nguyên thủy, số máy không thay đổi. Qua xác minh xe gắn máy trên do anh Nguyễn Thanh H4 đứng tên chủ sở hữu. Ngày 06/01/2020, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã ủy thác cho Cơ quan điều tra Công an Huyện Châu Thành nhưng chưa có kết quả. C khai xe gắn máy trên của một người bạn tên Tài (không rõ lai lịch) gửi giữ giùm. Xét thấy, xe không rõ chủ sở hữu, số khung đã bị mài đục không xác định được số nguyên thủy nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 xe gắn máy biển số 52L4-9622, số máy: NF110M-0071936, số khung: NF110ME-0071936 và 01 biển số 59D2-848.46. Kết quả giám định: số khung không thay đổi, số máy không thay đổi. Qua xác minh xe gắn máy trên do anh Nguyễn Văn T2 đứng tên chủ sở hữu mang biển số 59D2-848.46 do Công an quận Tân Phú cấp và chưa thu hồi lại biển số 52L4-9622. Anh T2 khai Hoàng Phú C nhờ Thành đứng tên giùm xe gắn máy trên. C khai xe gắn máy trên của C nhờ Thành đứng tên giùm để lấy biển số đẹp, sử dụng làm phương tiện đi lại. Xét thấy, xe trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo C, đối với biển số 52L4-9622 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 xe gắn máy biển số 59Y2-533.43, số máy: G427-102594, số khung: RLSBG41J0E-0102529. Qua xác minh xe gắn máy trên do Hoàng Phú C đứng tên chủ sở hữu, sử dụng làm phương tiện đi lại. Xét thấy, xe không liên quan

đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo C theo điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 xe gắn máy biển số 59N2-101.32, số máy: NF100ME-0096386, số khung: NF100M-0096386. Qua xác minh xe gắn máy trên do anh Phạm Văn Quang, đứng tên chủ sở hữu. Anh Quang đã bán xe gắn máy trên cho người khác (không rõ lai lịch). Ngày 13/01/2020, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. C khai mua xe gắn máy trên của một thanh niên (không rõ lai lịch) để sử dụng làm phương tiện đi lại. Xét thấy, xe không rõ chủ sở hữu nên giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thông báo tìm kiếm chủ sở hữu chiếc xe trên trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

01 xe gắn máy biển số 51M4-2398. số máy: HC09E-6313357, số khung: RLHHC09006-Y313203 và 01 Giấy đăng ký xe gắn máy số 072217 do Phòng CSGT-CA TP.HCM cấp ngày 27/8/2007 mang biển số 51M4-2398 chủ sở hữu là anh Trần Phụng. Hiện nay anh Phụng không còn cư trú tại địa phương. Kết quả giám định: số khung không thay đổi, số máy không thay đổi. Ngày 29/11/2019, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. C khai mua xe gắn máy trên của một thanh niên (không rõ lai lịch). Xét thấy, xe không rõ chủ sở hữu nên giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thông báo tìm kiếm chủ sở hữu chiếc xe trên trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Trường hợp xác định được chủ sở hữu thỉ trả Giấy đăng ký xe trên cho chủ sở hữu, không xác định được chủ sở hữu thì giao Giấy đăng ký xe trên cho Công an Quận 8 xử lý theo quy định.

01 biển số 67B2-067.67, qua xác minh biển số trên do chị Bùi Thị Thanh L2 là chủ sở hữu, chị L2 đã bán xe gắn máy trên cho người khác (không rõ lai lịch). Ngày 13/01/2020, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. Xét thấy, biển số 67B2-067.67 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 biển số 52U2-5001 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 0111870 mang biển số 52U2-5001 đứng tên Nguyễn Hữu Đ1. Hiện nay anh Đ1 không còn sinh sống tại địa phương. Ngày 13/12/2019, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. C khai mua xe gắn máy có biển số trên của một thanh niên (không rõ lai lịch) để bán phụ tùng cho người khác. Xét thấy, biển số 52U2-5001 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 0111870, giao cho Công an Quận 8 xử lý theo quy định.

01 biển số 84B1-333.89 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 033228 mang biển số 84B1-333.89 đứng tên Lê Thanh S1. Anh S1 bán xe gắn

máy trên cho người khác (không rõ lai lịch). Ngày 26/11/2019, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. C khai mua xe gắn máy trên của một thanh niên (không rõ lai lịch) để bán phụ tùng cho người khác. Xét thấy, biển số 84B1-333.89 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 033228, giao cho Công an Quận 8 xử lý theo quy định.

01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 1041414 đứng tên Nguyễn G mang biển số 53X1-6652 do Phòng CSGT-CA TP.HCM cấp ngày 21/6/2000. Hiện nay anh G không còn sinh sống tại địa phương. Ngày 13/01/2020, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. C khai mua xe gắn máy có giấy đăng ký trên của một thanh niên (không rõ lai lịch) để bán phụ tùng cho người khác. Xét thấy, không rõ chủ sở hữu Giấy đăng ký xe nên giao Giấy đăng ký xe trên cho Công an Quận 8 xử lý theo quy định.

01 Giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 0772215 mang biển số 51T5-9911 đứng tên Văn B1. Anh B1 đã bán xe gắn máy trên cho anh Tăng Kinh V1. Sau đó anh V1 đã bán xe gắn máy cho người khác (không rõ lai lịch). Ngày 26/11/2019, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. C khai mua xe gắn máy có biển số và giấy đăng ký xe nêu trên của một thanh niên (không rõ lai lịch) để bán phụ tùng cho người khác. Xét thấy, không rõ chủ sở hữu Giấy đăng ký xe nên giao Giấy đăng ký xe trên cho Công an Quận 8 xử lý theo quy định.

01 lốc máy màu đen, nhãn hiệu Honda không rõ số máy, 01 lốc máy màu bạc, nhãn hiệu Honda không rõ số máy – là vật cấm lưu hành nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

[11.4] Vật chứng thu giữ tại kho: 62 xe gắn máy, 28 biển số, 40 sườn xe gắn máy và 07 lốc máy. Cơ quan điều tra Công an Quận 8 đã xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật. Hiện còn tạm giữ: 30 xe gắn máy, 26 biển số xe, 40 sườn xe gắn máy và 07 lốc máy. Xét thấy, Nam là người thuê kho để xe, phụ tùng xe trong kho, không xác định được cụ thể cái nào là của C và hiện nay không rõ Nam đang ở đâu. Hiện Cơ quan đều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Nam. Do đó, tiếp tục giao cho Công an Quận 8 tạm giữ và xử lý theo quy định trong quá trình điều tra làm rõ hành vi của Nam.

[12] Về án phí: Theo Điều 23, Điều 26 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc các bị cáo H, G liên đới bồi thường cho bị hại Hồ Xuân I số tiền 7.535.000 đồng nên phải liên đới nộp án phí là 376.750 (trong đó, bị cáo H nộp 200.000 đồng, bị cáo G nộp 176.750 đồng)

Buộc bị cáo H bồi thường cho chị Vân, anh Nhân, anh Cảnh và anh Hiển số tiền 46.924.000 đồng nên bị cáo H phải nộp án phí là 2.346.200 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Mai Văn H, Huỳnh Quốc G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Các bị cáo Hoàng Phú C, Phạm Bá U phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Căn cứ vào các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mai Văn H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/01/2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc G 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2019.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 323, điểm o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hoàng Phú C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2019.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Hoàng Phú C số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 323, điểm o khoản 1 Điều 52, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Bá U 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Bá U cho Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Phạm Bá U số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 288, 357, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Mai Văn H, Huỳnh Quốc G liên đới bồi thường cho chị Hồ Xuân I số tiền 7.535.000 (bảy triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn) đồng (trong đó, bị cáo Nguyễn Mai Văn H bồi thường số tiền 4.535.000 (bốn triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn) đồng, bị cáo Huỳnh Quốc G bồi thường số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Mai Văn H bồi thường cho:

Chị Nguyễn Thị Hồng V số tiền 12.141.000 (mười hai triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn) đồng.

Anh Phan Thành N số tiền 3.400.000 (ba triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Anh Nguyễn Chí X số tiền 21.833.000 (hai mươi mốt triệu tám trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Anh Trần Phước E số tiền 9.550.000 (chín triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bồi thường ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Hồ Xuân I, chị Nguyễn Thị Hồng V, anh Phan Thành N, Anh Nguyễn Chí X, anh Trần Phước E có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, các bị cáo Nguyễn Mai Văn H, Huỳnh Quốc G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy:

1/ 01 (một) biển số 59L1-365.58.

2/ 01 (một) biển số 52L4-9622

3/ 01 (một) biển số 67B2-067.67

4/ 01 (một) biển số 52U2-5001

5/ 01 (một) biển số 84B1-333.89

6/ 01 (một) lốc máy xe gắn máy màu đen nhãn hiệu Honda không rõ số máy

7/ 01 (một) lốc máy xe gắn máy màu bạc nhãn hiệu Honda không rõ số máy

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

1/ 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen số Imei 1: 354491091351208, số Imei 2: 354491093851205.

2/ 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, số imei: 359219079633924.

3/ 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 Plus, số imei: 355731074639973.

4/ 01 (một) xe gắn máy biển số 63R1-4444, số máy: FMH-10287420, số khung: RLHHC09093-Y296283.

Trả lại cho bị cáo Hoàng Phú C:

1/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: NF110M-0071936, số khung: NF110ME-0071936 và 01 (một) biển số 59D2-848.46.

2/ 01 (một) xe gắn máy biển số 59Y2-533.43, số máy: G427-102594, số khung: RLSBG41J0E-0102529.

Giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với các xe gắn máy sau:

1/ 01 (một) xe gắn máy biển số 59N2-101.32, số máy: NF100ME-0096386, số khung: NF100M-0096386.

2/ 01 (một) xe gắn máy biển số 51M4-2398. số máy: HC09E-6313357, số khung: RLHHC09006-Y313203 và 01 (một) Giấy đăng ký xe gắn máy số 072217 do Phòng CSGT-CA TP.HCM cấp ngày 27/8/2007 biển số 51M4-2398. Trường hợp xác định được chủ sở hữu thì trả Giấy đăng ký xe trên cho chủ sở hữu, không xác định được chủ sở hữu thì giao Giấy đăng ký xe trên cho Công an Quận 8 xử lý theo quy định.

Giao cho Công an Quận 8 xử lý theo quy định:

Các giấy đăng ký xe:

1/ 01 (một) giấy đăng xe gắn máy số 0111870 do Phòng CSGT-CA TP.HCM cấp ngày 25/3/2003 mang biển số 52U2-5001.

2/ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 033228 do Phòng CSGT-CA tỉnh Trà Vinh cấp ngày 14/10/2016 mang biển số 84B1-333.89.

3/ 01 (một) giấy đăng xe gắn máy số 1041414 do Phòng CSGT-CA TP.HCM cấp ngày 21/6/2000 mang biển số 53X1-6652.

4/ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy số 0772215 do Phòng CSGT-CA TP.HCM cấp ngày 02/3/2000 mang biển số 51T5-9911.

Các biển số xe gắn máy:

01/ 01 (một) biển số 66N1-0082

02/ 01 (một) biển số 63B9-969.28

03/ 01 (một) biển số 70K1-359.62

04/ 01 (một) biển số 70H1-405.26

05/ 01 (một) biển số 51T5-9911

06/ 01 (một) biển số 79K2-8966

07/ 01 (một) biển số 52F7-4083

08/ 01 (một) biển số 63H8-8349

09/ 01 (một) biển số 51U9-4277

10/ 01 (một) biển số 65B1-559.46

11/ 01 (một) biển số 54Z3-2744

12/ 01 (một) biển số 54U4-1010

13/ 01 (một) biển số 59L1-454.75

14/ 01 (một) biển số 51N2-0143

15/ 01 (một) biển số 59L1-314.14

16/ 01 (một) biển số 59L2-074.85

17/ 01 (một) biển số 51L7-6644

18/ 01 (một) biển số 61N1-116.72

19/ 01 (một) biển số 77G1-618.29

20/ 01 (một) biển số 60LD-401.62

21/ 01 (một) biển số 52T6-6111

22/ 01 (một) biển số 66S1-071.05

23/ 01 (một) biển số 59L1-701.15

24/ 01 (một) biển số 59C2-357.18

25/ 01 (một) biển số 51T5-9911

26/ 01 (một) biển số 77H9-6477

Các xe gắn máy:

01/ 01 (một) xe gắn máy loại Wave Blade, màu đen có số máy: JA36E-0643218, số khung: RLHJA3644GY730971.

02/ 01 (một) xe gắn máy loại Sirius, màu đỏ đen có số máy: 5C61-104971, số khung: RLCS5C6107Y104971.

03/ 01 (một) xe gắn máy loại Wave, màu đỏ có số máy: VDP1P52-FMH3...., số khung: RMMWCH3MM51....

04/ 01 (một) xe gắn máy loại Wave Alpha, màu xanh có số máy: HC12E3029166, số khung: RLHHC1205BY229114.

05/ 01 (một) xe gắn máy loại Wave, màu đỏ có số máy: HC09E-5246346, số khung: RLHHC09087Y146221.

06/ 01 (một) xe gắn máy loại Wave Alpha, màu nâu có số máy: HC12E-3188159, số khung: RLHHC1209BY388167.

07/ 01 (một) xe gắn máy loại Wave, màu trắng có số máy: HC12E-5016347, số khung: RLHHC121XDY016140.

08/ 01 (một) xe gắn máy loại Dream có số máy: CT100E1600216, số khung: CT100E1600172.

09/ 01 (một) xe gắn máy loại Dream biển số 52H3-0062, số máy: C100MEJ4346, số khung: C100MJ04346.

10/ 01 (một) xe gắn máy loại Suzuki Smash, màu đen có số máy: E456-117676, số khung: RLSBE4DS090102316.

11/ 01 (một) xe gắn máy loại Wave RSX, màu đỏ có số máy: JC52E-6061647, số khung: RLHJC5248DY042609.

12/ 01 (một) xe gắn máy loại SH Mode, màu đỏ biển số 59C2-386.91, số máy: JF51E-0061058, số khung: RLHJF5100DY060995.

13/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: VKV1P50FMG-013469, số khung: VKVPCG0...L0300694.

14/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: C70E-5034256, số khung: C70E-6434271.

15/ 01 (một) xe gắn máy biển số 52Z8-7476, số máy: VHLFM152FMH-V304181, số khung: RMNWCHFMNH004181.

16/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: E447-105978, số khung: RLSBE49U060105978.

17/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: VHU1P52FMHA306851, số khung: RMUWCH3MU81306851.

18/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: VLFNB1P50FMH-7A101660, số khung: RNBWCH4YP71001660.

19/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: 1P53FMH10420710, số khung: VLKPCG012LK-054061.

20/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: IP52FMH-3Y0311713, số khung: VHSPCH0051H003462.

21/ 01 (một) xe gắn máy biển số 63X2-9402, số máy: VME152FMH-B009890, số khung: RMEWCH9ME7A009890.

22/ 01 (một) xe gắn máy biển số 47K9-3491, số máy: VTLZS152FMH00027917, số khung: RVTLDCH064TL-003000.

23/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: HD1P50FMHY0007625, số khung: LF3D20076385.

24/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: VHLFM139FMB00021943, số khung: RMNDCBBMN9H010943.

25/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: ZS152FMH08001891, số khung: VTWPCHOA32W005478.

26/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: VTT1P52FMHZ017816, số khung: Mài mất số.

27/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: VDP1P52F-MH200868, số khung: LZSXCHLJ9Y0080269.

28/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: 1P50FMG-310618681, số khung: VTWPCGOA114000893.

29/ 01 (một) xe gắn máy có số máy: VTTHTJL1P52FMH-C00763, số khung: Mài mất số.

30/ 01 (một) xe gắn máy bieản soá 70B1-770.29, soá maùy: VHULP1P52FMHT-001647, soá khung: VTKWCH044TP-001647.

Các lốc máy xe gắn máy:

1/ 01 (một) lốc máy xe gắn máy màu đen nhãn hiệu Yamaha (không rõ số máy).

2/ 01 (một) lốc máy xe gắn máy màu đen nhãn hiệu SYM (không rõ số máy).

3/ 01 (một) lốc máy xe gắn máy màu xám nhãn hiệu Honda (không rõ số máy).

4/ 01 (một) lốc máy xe gắn máy màu xám nhãn hiệu Honda (không rõ số máy).

5/ 01 (một) lốc máy xe gắn máy màu bạc nhãn hiệu Honda (không rõ số máy).

6/ 01 (một) lốc máy xe gắn máy màu bạc nhãn hiệu Honda (không rõ số máy).

7/ 01 (một) lốc máy xe gắn máy màu đen nhãn hiệu Honda (không rõ số máy).

Các sườn xe gắn máy:

40 (bốn mươi) sườn xe gắn máy (không rõ nhãn hiệu, không rõ số khung).

(Theo PU nhập kho vật chứng số 76/PNK ngày 10/4/2020 của Cơ quan Công an Quận 8).

Về án phí: Căn cứ vào Điều 23, Điều 26 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Mai Văn H, Huỳnh Quốc G liên đới nộp 376.750 (ba trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi) đồng (trong đó, Nguyễn Mai Văn H nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, Huỳnh Quốc G nộp 176.750 (một trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi) đồng).

Bị cáo Nguyễn Mai Văn H nộp 2.346.200 (hai triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm) đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Đã giải thích chế định án treo và nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Quận 8; (2)
- Chi cục THADS Quận 8; (1)
- Sở Tư pháp Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- Phòng hồ sơ NVCS (PC.53); (1)
- Cơ quan điều tra Quận 8 (Đội ĐTTH); (1)
- Nhà tạm giữ Quận 8; (4)
- Thi hành án hình sự; (12)
- Bị cáo; (4)
- Những người tham gia tố tụng khác; (9)
- Lưu VT, hồ sơ vụ án. (2) (39)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Bá Hiệp